TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/DS-ST
Ngày 22 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và bà Nguyễn Thị Hồng Lam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2025/TLST–DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐST-DS, ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANORWATPAISAL NAPAT - Sinh năm 1972 - Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Hoàn T - Sinh năm 1996 (Theo Giấy ủy quyền số 236/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023). Nơi thường trú: Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ liên hệ: Số B N, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường P, tỉnh Khánh Hòa); (Có mặt).

Bị đơn: Bà Bạch Thị D, sinh năm: 1992; (Vắng mặt). Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tổ dân phố C, phường P, tỉnh Khánh Hòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần S tiền có ngay (*gọi tắt là Công ty S*) có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 2901807716. Công ty hoạt động nhiều lĩnh vực, trong đó có cầm cố tài sản.

Ngày 11/7/2024, Bà Bạch Thị D có ký với Công ty Cổ phần S (Viết tắt là Công ty S) Hợp đồng cầm cố số P2M240701014NA22X; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy, số hợp đồng P2M240701014NA22X; Phụ lục hợp đồng cầm cố điều khoản chung số P2M240701014NA22X; cụ thể như sau: Tài sản cầm cố: Xe máy. Loại xe: Hai bánh. Biển số: 85B1-921.42 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 00613 do Phòng C - Công an tỉnh N cấp ngày 24/6/2022. Số tiền cầm cố tài sản (xe máy): 21.436.170,21 đồng. Mục đích cầm cố: Vay tiền phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh. Thời hạn cầm cố: 12 tháng kể từ ngày 11/7/2024 đến ngày 11/7/2025. Lãi suất cầm cố cố định là: 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Phí quản lý hồ sơ cố định là 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Các loại phí khác quy định tại mục 1 phụ lục và điều khoản chung đính kèm hợp đồng này. Hàng tháng Bà Bạch Thị D thanh toán số tiền 1.977.530,78 đồng đồng vào ngày 11 hàng tháng từ tháng 08/2024 đến tháng 07/2025.

Trong ngày 11/7/2025, Bà Bạch Thị D và Công ty S có ký kết "Thỏa thuận thuê tài sản"; cụ thể như sau: Do Bà Bạch Thị D không có phương tiện đi lại để phục vụ công việc cá nhân nên Công ty S cho Bà Bạch Thị D thuê lại chiếc xe máy biển số 85B1-921.42 nêu trên trong thời hạn 30 ngày, từ ngày 11/7/2024 đến ngày 11/7/2025.

Từ khi ký Hợp đồng Bà Bạch Thị D đã thanh toán được 10.060.000 đồng, trong đó: gốc 5.503.023 đồng, lãi trong hạn: 653.165 đồng, phí quản lý hồ sơ: 296.893 đồng, phí mượn xe: 3.386.914 đồng, lãi quá hạn: 220.000 đồng. Đến tháng 11/2024, bà Bạch Thị D không thanh toán đúng hạn nên từ ngày 11/11/2024, Công ty S chuyển nợ của bà Bạch Thị D sang quá hạn.

Tại phiên tòa, Công ty S có các yêu cầu như sau:

- Công ty S đề nghị Bà Bạch Thị D phải thanh toán cả gốc lẫn lãi tính đến thời điểm ngày 22/9/2025 là 18.783.739 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 15.933.147 đồng, lãi quá hạn: 2.850.592 đồng.

- Bà Bạch Thị D còn phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán nợ xong cho Công ty S.

Sau khi Bà Bạch Thị D trả xong tiền nợ, Công ty S sẽ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 00613 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh N cấp ngày 24/6/2024 cho bà Bạch Thị D và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo

quy định của pháp luật.

- Công ty S xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu buộc Bà Bạch Thị D phải giao trả lại chiếc xe máy biển số 85B1-921.42 mà bà Bạch Thị D đã thuê lại của Công ty S.

Ngoài ra, Công ty S không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Bạch Thị D: Quá trình tố tụng, bà Bạch Thị D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật là có cơ sở.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Xác định yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty S thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Không yêu cầu bị đơn trả lại tài sản cầm cố là xe máy biển số 85B1-921.42. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi căn cứ theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty S khởi kiện yêu cầu bà Bạch Thị D phải thanh toán số tiền đã nhận khi cầm cố tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn cư trú tại phường P, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15; Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa.

[1.3] Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với bà Bạch Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố tài sản, số hợp đồng số: P2M240701014NA22X ngày 11/7/2024 (mục đích cầm cố tài sản: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh), phụ lục hợp đồng cầm cố, Phiếu đăng ký cầm cố xe máy (để vay vốn theo hình thức cầm cố tài sản), văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm số đăng ký 1563829624 ngày 16/11/2024, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 11/7/2024, giữa Công ty S và bà Bạch Thị D có thỏa thuận, ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản là xe máy hiệu Honda, biển số 85B1-921.42, để vay số tiền là 21.436.170,21 đồng, Công ty S đã chuyển khoản cho bà Bạch Thị D đủ số tiền trên (sau khi trừ chi phí đã thỏa thuận theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết). Hợp đồng cầm cố giữa Công ty S và bà Bạch Thị D được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định hợp đồng hợp pháp là cơ sở giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện các hợp đồng, bà Bạch Thị D thanh toán không đúng theo thỏa thuận, đã vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng cầm cố đã ký nên bà Bạch Thị D phải chịu hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Tính đến ngày 22/9/2025, bà Bạch Thị D còn nợ Công ty S số tiền là 18.783.739 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 15.933.147 đồng, lãi quá hạn: 2.850.592 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, bà Bạch Thị D phải có nghĩa vụ trả cho Công ty SAWAD các khoản tiền trên.

[2.3] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Bạch Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Ghi nhận ý kiến của Công ty S về việc ngay sau khi bà Bạch Thị D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S sẽ trả lại cho bà Bạch Thị D bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000613 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh N cấp ngày 24/6/2022 cho bà Bạch Thị D và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án, bà Bạch Thị D không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những những tài liệu, chứng cứ do Công ty S cung cấp

nên có cơ sở khẳng định bà Bạch Thị D đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định của pháp luật quy định.

[2.6] Từ những nhận định trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 357, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ: Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15; Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay đối với bị đơn bà Bạch Thị D.

Buộc bà Bạch Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền 18.783.739 đồng (bằng chữ: mười tám triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng). Trong đó: Tiền gốc: 15.933.147 đồng, lãi quá hạn: 2.850.592 đồng.

Kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, bà Bạch Thị D còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn trên khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà Công ty cổ phần S có ngay và bà Bạch Thị D thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố P2M240701014NA22X ngày 11/7/2024.

Ngay sau khi bà Bạch Thị D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S có ngay có nghĩa vụ giao trả cho bà Bạch Thị D bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 000613 do Phòng C Công an tỉnh N (nay là Công an tỉnh K) cấp cho bà Bạch Thị D ngày 24/6/2022 và thực hiện thủ tục xóa đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Bà Bạch Thị D phải chịu 939.000 đồng (*bằng chữ: chín trăm ba mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 606.000 đồng (*bằng chữ: sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001318 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Khánh Hòa).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2025). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 5 – Khánh Hòa;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa ;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Trần Thanh Thư